

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày 27-3-2025
V/v Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỘC CHÂU - TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Minh, bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Yên, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLST – DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về Kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST- DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST - DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C - Sinh năm: 1955. Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện M, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

- Bị đơn: Ông Lò Văn T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là Bản P, xã C, thị xã M, tỉnh Sơn La), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 12/02/2018, ông ký giấy vay nợ cho ông Lò Văn T vay số tiền là 455.740.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận, số tiền trên là tiền cát ông T nợ ông và có hứa sẽ trả tiền vay vào ngày 30/4/2018. Tuy nhiên, đến thời hạn nêu trên ông T vẫn chưa thanh toán được số tiền đã vay. Sau đó ông T tiếp tục ký thêm giấy

vay nợ vào ngày 01/5/2018 với nội dung ông T hẹn ngày trả tiền là 30/7/2018, với lãi suất là 1%/01 tháng tính từ ngày 01/5/2018, hẹn đến ngày 30/7/2018 phải trả đủ cả gốc và lãi. Tuy nhiên, đến nay ông T vẫn chưa thanh toán cho ông khoản tiền nào. Việc ông T vay tiền của ông, vợ ông T không biết và không tham gia.

Ông đã nhiều lần đến gặp ông T để nói chuyện nhưng không gặp được, qua trao đổi với vợ con ông T thì được biết ông T hiện nay đang đi làm ở Hà Nội. Ông đã có văn bản đề nghị Công an xã C cung cấp cho ông địa chỉ làm việc ông T, tuy nhiên Công an xã C đã có văn bản từ chối cung cấp thông tin của ông Lò Văn T.

Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu giải quyết buộc ông Lò Văn T phải trả cho ông số tiền gốc là 455.740.000đ. Đối với khoản tiền lãi, ông không yêu cầu ông Thoa phải thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05 tháng 12 năm 2024, tuy nhiên bị đơn ông Lò Văn T vắng mặt không có lý do. Ngày 20/12/2024. nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh với bà Hà Thị P được biết: Bà là vợ ông Lò Văn T. Hiện nay vợ chồng ông bà vẫn cư trú và sinh sống tại bản P, xã C, còn việc vay mượn tiền hay làm ăn giữa ông Nguyễn Văn C với ông Lò Văn T thì bà không biết và không liên quan. Hiện nay ông T đang đi làm tự do ở Hà Nội. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã nhận và thông báo cho ông T, còn việc ông T có chấp hành hay không thì bà không biết.

Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương được biết: Ông Lò Văn T, sinh năm 1962 có vợ là bà Hà Thị P, sinh năm 1964. Hiện nay ông T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Việc ông Lò Văn T đi làm ăn sinh sống ở đâu chính quyền địa phương không nắm bắt được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về tranh chấp kiện đòi tài sản đối với ông Lò Văn T.

2. Buộc ông Lò Văn T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền gốc vay là 455.740.000 (Bốn trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Về án phí: Ông Lò Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 22.229.600 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định quan hệ pháp luật là Kiện đòi tài sản giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C với bị đơn là ông Lò Văn T, cư trú tại: Bản P, xã C, huyện M (nay là bản P, xã C, thị xã M), tỉnh Sơn La. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[2] **Về tố tụng:**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản cho bị đơn ông Lò Văn T theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Qua xác minh với người thân thích trong gia đình ông T và Công an xã C nơi ông T đang cư trú cho biết, ông T có địa chỉ cư trú tại bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La nay là bản bản P, xã C, thị

xã M, tỉnh Sơn La, hiện ông T đi làm lao động tự do ở Thành Phố Hà Nội, thường xuyên không có mặt ở nhà. Do đó, Toà án căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự để thực hiện tổng đạt cho người thân thích của ông T là bà Hà Thị P, vợ của ông T là người nhận tổng đạt và cam kết sẽ chuyển các văn bản tố tụng của Toà án, thông tin đầy đủ cho ông T theo quy định pháp luật. **Tại Biên bản làm việc với bà P (vợ ông T) cho biết: Bà P đã thực hiện việc chuyển đầy đủ các văn bản tố tụng và thông tin đầy đủ cho ông T**

Tại phiên toà lần đầu diễn ra vào ngày 19 tháng 02 năm 2025, và phiên toà lần thứ hai diễn ra vào ngày 10 tháng 3 năm 2025, ông T đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên toà. Đến phiên toà diễn ra vào ngày 27 tháng 3 năm 2025, ông T vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lò Văn T theo quy định **của pháp luật**.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về đòi số tiền nợ gốc 455.740.000đ.

Tại giấy vay tiền đề ngày 12/02/2018 do nguyên đơn cung cấp thể hiện việc ông Lò Văn T có nợ ông Nguyễn Văn C số tiền mua cát là 455.740.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận, thời hạn trả tiền vào ngày 30/4/2018. Tuy nhiên, đến thời hạn nêu trên ông T vẫn chưa thanh toán được tiền đã vay. Sau đó ông T tiếp tục ký thêm giấy vay nợ vào ngày 01/5/2018 với nội dung ông T hẹn ngày trả tiền là 30/7/2018, với lãi suất là 1%/01 tháng tính từ ngày 01/5/2018 và hẹn đến ngày 30/7/2018 phải trả đủ cả gốc và lãi. Việc vay tiền chỉ có ông T, bà P vợ ông T hoàn toàn không biết và không liên quan. Tuy nhiên, sau thời gian thỏa thuận như đã cam kết, đến hạn ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình nên ông C đã khởi kiện đề nghị ông T phải trả tiền gốc cho ông C với số tiền 455.740.000đ.

Bị đơn ông Lò Văn T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của ông C trong thông báo thụ lý, những vấn đề cần hòa giải trong thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông T không trình bày ý kiến, không xuất trình tài liệu chứng cứ, không có yêu cầu phản tố cũng không đến tham gia hòa giải.

Xét thấy, các đương sự đều đã trưởng thành và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, xuất phát từ sự thỏa thuận giữa các bên về việc ông T mua cát và còn nợ của ông C với số tiền 455.740.000đ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó, việc ông C khởi kiện đòi ông T số tiền trên là hoàn toàn có căn cứ nên cần buộc ông T phải trả số tiền trên cho ông C.

[4] Về lãi suất: Do ông C không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lò Văn T vắng mặt, không cung cấp các tài liệu chứng cứ, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hoà giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thực hiện thủ tục cấp tổng đạt đầy đủ theo quy định tại BLTTDS năm 2015 và cũng không có đơn đề nghị về việc xin miễn giảm tiền án phí.

Tại phiên tòa bị đơn ông Lò Văn T cũng vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần, do đó, HĐXX không có cơ sở để xem xét việc miễn, giảm án phí đối với ông Lò Văn T.

Như đã nhận định tại mục [3] thì do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về tranh chấp kiện đòi tài sản đối với ông Lò Văn T.

2. Buộc ông Lò Văn T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền gốc vay là 455.740.000 (Bốn trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Ông Lò Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 22.229.600 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện KSND thị xã Mộc Châu;
- Chi cục THADS thị xã Mộc Châu;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Hương